

LUẬT PHÁP VÀ THỰC TIỄN QUỐC TẾ VỀ XÁC ĐỊNH RANH GIỚI NGOÀI CỦA THÊM LỤC ĐỊA

Nguyễn Duy Chiến*

1. Các quy định pháp lý về xác định ranh giới ngoài của thêm lục địa

a. Công ước Giơ-ne-vơ 1958 về thêm lục địa xác định thêm lục địa của quốc gia ven biển được kéo đến độ sâu 200m hoặc đến độ sâu có thể khai thác được. Đó là một bước tiến rất quan trọng trong quá trình pháp điển hóa quy phạm pháp luật liên quan đến các vùng biển nói chung và thêm lục địa nói riêng. Tuy nhiên, quy định về tiêu chí “*độ sâu có thể khai thác được*” cũng chưa thật thỏa đáng, chính xác và có thể được giải thích khác nhau tùy thuộc đánh giá chủ quan của từng quốc gia. Do đó, vấn đề phạm vi của thêm lục địa tiếp tục được thảo luận tại Hội nghị lần thứ 3 của Liên hợp quốc (LHQ) về Luật Biển (1973-1982). Cuối cùng, Hội nghị nhất trí tiêu chí mới để xác định ranh giới của thêm lục địa cũng như phạm vi ranh giới ngoài của thêm lục địa. Điều 76 Công ước Luật Biển 1982 xác định thêm lục địa của quốc gia ven biển là đáy biển và lòng đất của phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ quốc gia ven biển đến mép ngoài của rìa lục địa. Nếu rìa lục địa nhỏ hơn 200 hải lý kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải thì thêm lục địa của quốc gia ven biển là 200 hải lý. Nếu rìa lục địa của quốc gia ven biển rộng hơn 200 hải lý tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của quốc gia ven biển thì quốc gia ven biển đó có quyền mở rộng thêm lục địa của mình ra quá 200 hải lý, nhưng tối đa không quá 350 hải lý hoặc không quá 100 hải lý kể từ đường đẳng sâu 2500m¹. Các quốc gia ven biển có thể áp dụng các phương thức khác nhau để xác định

ranh giới ngoài của thêm lục địa quá 200 hải lý là công thức 1% bề dày lớp đá trầm tích hoặc công thức tối đa 60 hải lý ngoài chân dốc lục địa. Ranh giới ngoài này được thể hiện bằng một loạt các đoạn thẳng nối liền các điểm cố định có tọa độ cụ thể và khoảng cách giữa các đoạn thẳng đó không được quá 60 hải lý.

b. Để xác định ranh giới ngoài thêm lục địa quá 200 hải lý, quốc gia ven biển phải nộp Báo cáo lên Ủy ban Ranh giới thêm lục địa với đầy đủ các thông tin do đặc khảo sát, khoa học, kỹ thuật theo Bản hướng dẫn của Ủy ban để chứng minh thêm lục địa quá 200 hải lý của mình. Các quốc gia ven biển có thể tự nộp Báo cáo toàn diện hoặc Báo cáo từng phần và cũng có thể phối hợp với nhau trình Báo cáo chung cho Ủy ban. Thời hạn để quốc gia ven biển nộp Báo cáo quốc gia là 10 năm kể từ ngày Công ước Luật Biển 1982 có hiệu lực đối với họ². Riêng đối với các quốc gia ven biển đã trở thành thành viên Công ước trước ngày 13-5-1999, trong đó có Việt Nam thì thời hạn cuối cùng để nộp Báo cáo quốc gia là ngày 13-5-2009³. Nếu quốc gia ven biển không nộp Báo cáo quốc gia trong thời hạn đó thì họ sẽ mất quyền mở rộng thêm lục địa ra quá 200 hải lý.

Dựa trên cơ sở các khuyến nghị của Ủy ban, các quốc gia ven biển sẽ quy định ranh giới ngoài thêm lục địa của mình và ranh giới đó có tính chất ràng buộc cuối cùng. Khi khai thác nguồn tài nguyên ở khu vực thêm lục địa ngoài 200 hải lý, quốc gia ven biển phải có nghĩa vụ tài chính đối với cộng đồng quốc tế. Công ước Luật Biển 1982 quy

* Vụ trưởng, Trung tâm Nghiên cứu Chính sách Biển, Bộ Ngoại giao.

¹ Điều 76 Công ước Luật Biển 1982 của Liên hợp quốc.

² Điều 4 Phụ lục II của Công ước Luật Biển 1982.

³ Quyết định này được Hội nghị lần thứ 11 các quốc gia thành viên Công ước Luật Biển 1982 thông qua ngày 29-5-2001 (tài liệu SPLOS/72).

định trong 5 năm đầu khai thác các quốc gia ven biển không phải đóng góp, nhưng năm thứ 6 họ phải đóng góp 1% giá trị hay khối lượng sản phẩm khai thác được từ khu vực đó (thông qua Cơ quan Quyền lực quốc tế về đáy đại dương); sau đó mỗi năm tăng thêm 1% và từ năm thứ 13 trở đi hàng năm họ phải đóng mức cố định 7%⁴.

2. Tổ chức và hoạt động của Ủy ban Ranh giới thềm lục địa

a. Công ước Luật Biển năm 1982 quy định lập một cơ quan mới là Ủy ban Ranh giới thềm lục địa (Commission on the Limits of the Continental Shelf) với 21 ủy viên, trong đó mỗi nhóm khu vực địa lý (nhóm châu Á, nhóm châu Phi, nhóm Mỹ La tinh và Ca-ri-bê, nhóm Tây Âu và các nước khác, và nhóm Đông Âu) được ít nhất là 3 ủy viên⁵. Các ủy viên của Ủy ban được các quốc gia thành viên Công ước Luật Biển bầu với nhiệm kỳ 5 năm và sau đó họ có thể được bầu lại. Các ủy viên hoạt động với tư cách cá nhân, nhưng mọi khoản chi phí của họ khi làm việc cho Ủy ban Ranh giới thềm lục địa hoàn toàn do quốc gia cử người chịu. Về ưu đãi và miễn trừ, các ủy viên của Ủy ban được hưởng quy chế các chuyên gia LHQ theo Công ước 1946 về ưu đãi và miễn trừ của LHQ. Chức năng chính của Ủy ban Ranh giới thềm lục địa là xem xét các số liệu và các thông tin khác do các quốc gia ven biển trình lên liên quan đến ranh giới ngoài của thềm lục địa quá 200 hải lý và đưa ra các khuyến nghị cho quốc gia ven biển. Ngoài ra, các ủy viên của Ủy ban được phép cung cấp ý kiến tư vấn về khoa học và kỹ thuật cho các quốc gia ven biển trong quá trình chuẩn bị báo cáo quốc gia về ranh giới thềm

lục địa quá 200 hải lý. Ủy ban đã lập các tiểu ban phụ trợ như Tiểu ban về Tư vấn khoa học và kỹ thuật cho các quốc gia, Tiểu ban về Đào tạo, Tiểu ban về Biên tập và Tiểu ban về Bảo mật. Ban Thư ký của LHQ trực tiếp thực hiện các công việc hành chính, thư ký cho Ủy ban.

b. Sau khi nhận được Báo cáo của quốc gia ven biển (gồm 3 phần tóm tắt, phần chính và phần số liệu hỗ trợ và thông thường nặng khoảng 500-600kg), LHQ sẽ chuyển bản tóm tắt cho tất cả các thành viên Công ước Luật Biển và các thành viên LHQ khác. Báo cáo quốc gia sẽ được đưa vào chương trình nghị sự khóa họp gần nhất của Ủy ban và Ủy ban sẽ lập Tiểu ban (gồm 7 ủy viên) để xem xét các Báo cáo quốc gia. Theo Quy tắc thủ tục, các ủy viên của Ủy ban đã giúp một quốc gia ven biển chuẩn bị báo cáo sẽ không được tham gia Tiểu ban liên quan báo cáo của quốc gia đó. Sau đó, Ủy ban họp toàn thể (21 ủy viên) để xem xét và bỏ phiếu kín thông qua các khuyến nghị do Tiểu ban chuẩn bị bằng đa số 2/3. Các quốc gia nộp Báo cáo được quyền tham dự khi Ủy ban xem xét Báo cáo của họ. Ủy ban sẽ chuyển các khuyến nghị của mình cho quốc gia ven biển. Nội dung các khuyến nghị đa dạng, có thể là khuyến nghị đồng ý với đường ranh giới ngoài do quốc gia ven biển trình lên, hoặc khuyến nghị sửa đổi phạm vi đường ranh giới, hoặc khuyến nghị để lại chưa xem xét, hoặc khuyến nghị trình Báo cáo mới. Nếu quốc gia ven biển không đồng ý với các khuyến nghị của Ủy ban thì họ có quyền trình Báo cáo mới hoặc Báo cáo sửa đổi.

3. Thực tiễn quốc tế xác định ranh giới thềm lục địa quá 200 hải lý

a. Tháng 12-2001, Nga là quốc gia ven biển đầu tiên nộp Báo cáo quốc gia về ranh giới thềm lục địa quá 200 hải lý ở 4 khu vực. Năm 2004 có hai nước nộp Báo cáo quốc gia là Bra-zin và Úc. Năm 2005 có thêm Ai-len nộp Báo cáo. Năm 2006 có 3 Báo cáo được nộp là Báo cáo của Niu-di-lân, Na-Uy và Báo cáo chung của 4 nước là: Pháp, Ai-len,

⁴ Khoản 1, 2 Điều 82 của Công ước Luật Biển 1982.

⁵ Thành phần của Ủy ban nhiệm kỳ 2007- 2012 gồm đại diện của Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ma-lai-xia, Ni-giê-ria, Mô-ri-xơ, Ca-me-run, Gha-na, Xây sen, Bra-zin, Ác-hen-ti-na, Mê-hi-cô, Tri-ni-dát và Tô-ba-gô, Na-uy, Ai-len, Bồ Đào Nha, Úc, Nga, Ru-ma-ni và Gru-dia.

Tây Ban Nha và Anh. Trong mấy tháng đầu năm 2009, đặc biệt là cuối tháng 4 đầu tháng 5 vừa qua tiến độ nộp Báo cáo quốc gia diễn ra hết sức khẩn trương với 34 Báo cáo được nộp cho Ủy ban Ranh giới thêm lục địa. Tính đến ngày 13-5-2009 tổng cộng có 50 Báo cáo được nộp cho Ủy ban, trong đó khu vực châu Á và Thái Bình Dương có 17 Báo cáo (Nhật Bản, In-đô-nê-xia, Phi-líp-pin, Việt Nam, Mi-an-ma, Ấn Độ, Úc, Niu-di-lân, Phi-gi, Xô-lô-mông, Tôn-ga...), châu Âu có 17 Báo cáo (Anh, Pháp, Na Uy, Đan Mạch, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha...), châu Mỹ có 6 Báo cáo (Mê-hi-cô, Ác-hen-ti-na, Bác-ba-đốt, Bra-zin ...), châu Phi có 10 Báo cáo (Ghana, Nam Phi, Ni-giê-ria, Kê-nia, Mô-ri-xơ...).

Ngoài ra, thể theo Quyết định ngày 20-6-2008 của Hội nghị lần thứ 18 các quốc gia thành viên Công ước Luật Biển 1982 (SPLOS/183) 42 Bản thông tin sơ bộ liên quan đến việc xác định ranh giới ngoài thêm lục địa của một loạt các quốc gia ven biển (Bru-nây, Cu Ba, Trung Quốc, Hàn Quốc, Guy-a-na, Ăng-gô-la, Ga-bon, Xê-nê-gan, Ô-man, Xô-ma-li ...)⁶ cũng đã được nộp cho Tổng Thư ký LHQ.

Về các loại Báo cáo quốc gia: phần lớn các quốc gia ven biển (Pháp, Anh, Mê-hi-cô, Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Y-ê-men, Đan Mạch, Phi-gi...) nộp Báo cáo từng phần để đáp ứng được quy định về thời hạn 13-5-2009 và bảo lưu quyền nộp tiếp các Báo cáo liên quan ranh giới ngoài các khu vực thêm lục địa khác sau này. Trong số đó, một số nước đã nộp nhiều Báo cáo khác

nhau, như Pháp nộp 5 Báo cáo⁷, Anh nộp 4 Báo cáo⁸, Nam Phi nộp 2 Báo cáo⁹ và Ai-len nộp 3 Báo cáo¹⁰. Một số nước như: Nga, Úc, Bra-zin, Nhật Bản, Ác-hen-ti-na... nộp Báo cáo toàn bộ. Về Báo cáo chung, cho đến nay đã có 5 Báo cáo chung được trình lên Ủy ban là Báo cáo chung của Pháp, Ai-len, Tây Ban Nha và Anh (2006), Báo cáo chung của Mô-ri-xơ và Xây-sen (2009), Báo cáo chung của Pháp và Nam Phi (2009), Báo cáo chung của Mi-crô-nê-đia, Pa-pua Niu-Ghi-nê và quần đảo Xô-lô-mông (2009) và Báo cáo chung của Việt Nam và Ma-lai-xi-a (2009).

Về phạm vi thêm lục địa mở rộng: qua phân tích Báo cáo quốc gia của các nước chúng tôi thấy phần lớn ranh giới ngoài của thêm lục địa mở rộng của các quốc gia ven biển đều dưới 350 hải lý (thêm lục địa của In-đô-nê-xia ở Tây Bắc đảo Su-ma-tra chỉ mở rộng khoảng 230 hải lý, Phi-líp-pin ở khu vực Ben-ham chỉ mở rộng khoảng 270-320 hải lý, Gha-na mở rộng khoảng 215 hải lý, Cốt-di-voa chỉ khoảng 250 hải lý, Ni-giê-ria chỉ khoảng 255 hải lý...). Đối với một số quốc gia khác (Úc, Đan Mạch, Ấn Độ, Sri-lan ca...), phần lớn thêm lục địa mở rộng của họ cũng dưới 350 hải lý, nhưng ở một số

⁶ Thể thức các Bản thông tin sơ bộ rất đa dạng: Bản thông tin của Guy-a-na chi tiết như một bản Tóm tắt của Báo cáo quốc gia (đưa rõ 3 điểm có tọa độ, có khoảng cách, có sơ đồ, có tên ủy viên Ủy ban hỗ trợ...); Bản thông tin của Hàn Quốc nêu rõ 6 điểm có tọa độ, độ dài của các đoạn thẳng, sơ đồ khu vực và cho biết sẽ nộp vào thời gian thích hợp; Bản thông tin của Bru-nây nói sẽ nộp báo cáo trong vòng 1 năm; Bản thông tin của Cu ba rất đơn giản, thể hiện qua hình thức một công hàm ngắn của Phái đoàn Cu Ba tại LHQ.

⁷ Báo cáo chung với Anh, Ai-len và Tây Ban Nha liên quan đến khu vực biển Celtic và vịnh Biscay (2006), Báo cáo quốc gia liên quan đến khu vực Guy-a-na thuộc Pháp và Niu Ca-lê-đô-ni (2007), Báo cáo chung với Nam Phi liên quan đến khu vực quần đảo Crozet (2009), Báo cáo quốc gia liên quan khu vực đảo Antilles và Kerguelen (2009) và Báo cáo quốc gia liên quan đến khu vực đảo La Reunion (2009).

⁸ Báo cáo chung với Pháp, Ai-len và Tây Ban Nha liên quan khu vực biển Celtic và vịnh Biscay (2006), Báo cáo quốc gia liên quan khu vực đảo Ascension (2008), Báo cáo quốc gia liên quan đến khu vực Hatton Rockall (2009) và Báo cáo quốc gia liên quan đến quần đảo Falkland (2009).

⁹ Báo cáo chung với Pháp liên quan đến khu vực quần đảo Crozet (2009) và Báo cáo quốc gia liên quan đến lãnh thổ lục địa của Nam Phi (2009).

¹⁰ Báo cáo chung với Anh, Pháp và Tây Ban Nha liên quan đến khu vực biển Celtic và vịnh Biscay (2006), Báo cáo quốc gia về khu vực Porcupine Abyssal (2006) và Báo cáo quốc gia liên quan đến khu vực Hatton Rockall (2009).

khu vực nhất định lại đạt giới hạn 350 hải lý. Chỉ một số rất ít quốc gia (Mi-an-ma, Tôn-ga, Ke-nia) mở rộng phạm vi thêm lục địa đến trọn 350 hải lý.

Về diện tích thêm lục địa mở rộng: phần lớn các quốc gia (Phi-lip-pin, In-đô-nê-xia, Việt Nam, Nhật Bản, Mi-an-ma, Ấn Độ, ...) không nêu cụ thể trong Báo cáo diện tích của khu vực thêm lục địa mở rộng. Một số Báo cáo quốc gia khác có nêu rõ diện tích khu vực thêm lục địa quá 200 hải lý: Báo cáo 3 bên Mi-crô-nê-dia, Pa-pua Niu-Ghi-nê và Xô-lô-mông nêu 2.000.000 km², Bra-zin nêu khoảng 911.847km², Báo cáo chung Mô-ri-xơ và Xây-sen nêu 387.000km², Pa-lau nêu 280.000km², Kê-nia nêu khoảng 103.320 km², Xây-sen nêu khoảng 22.143km², Mô-ri-xơ nêu khoảng 123.000km².

Về công thức áp dụng: để xác định ranh giới ngoài của thêm lục địa quá 200 hải lý, một số quốc gia chỉ áp dụng một công thức: In-đô-nê-xia, Mi-an-ma, Ni-giê-ria, Gha-na ... áp dụng công thức độ dày trầm tích 1%; còn Xây Sen, Mô-ri-xơ, Tôn-ga, Phi-gi áp dụng công thức 60 hải lý ngoài đường chân dốc lục địa. Một số quốc gia khác như Nhật Bản, và Bra-zin, Ác-hen-ti-na, Nam Phi, Ai-len, Tây Ban Nha (đối với khu vực thêm lục địa đảo Ga-li-cia), Anh (đối với quần đảo Falkland) áp dụng hỗn hợp cả hai công thức 60 hải lý ngoài đường chân dốc và công thức 1% độ dày trầm tích.

Về khoảng cách giữa các đoạn thẳng: thông thường các quốc gia xác định rất nhiều điểm¹¹ và phần lớn các đoạn thẳng rất ngắn, hoặc chỉ 1,0 hải lý (Phi-lip-pin, Nhật Bản, Việt Nam và Ma-lai-xia, Pháp và Nam Phi, Mo-ri-xơ...), hoặc 0,5 hải lý (Xây sen, Đan Mạch, Pa-lau, Ai-len) hoặc 0,33 hải lý (Nhật Bản), hoặc 5,0 hải lý (Kê-nya) và chỉ một số đoạn thẳng khác có chiều dài lớn hơn. Một

số rất ít quốc gia xác định các đoạn thẳng đúng 60 hải lý và số đoạn thẳng như vậy cũng rất ít (Mô-ri-xơ có 1 đoạn, In-đô-nê-xia có một đoạn).

Thế theo các quy định liên quan của Công ước Luật Biển 1982, các Báo cáo quốc gia thường có một nội dung quan trọng là các quốc gia nộp Báo cáo khẳng định việc họ nộp Báo cáo quốc gia cũng như việc Ủy ban Ranh giới thêm lục địa xem xét và ra các khuyến nghị liên quan Báo cáo của họ sẽ không ảnh hưởng đến việc giải quyết tranh chấp về phân định giữa các nước sau này.

b. Đại bộ phận các quốc gia thành viên Công ước Luật Biển 1982 không có ý kiến đối với các Báo cáo quốc gia về ranh giới ngoài của thêm lục địa. Trong một số trường hợp các quốc gia liên quan gửi công hàm đến Tổng thư ký LHQ bày tỏ lập trường của mình đối với một số Báo cáo cụ thể. Một số công hàm thông báo quốc gia thành viên đó không phản đối việc quốc gia thành viên khác nộp Báo cáo, nhưng cũng khẳng định việc nộp Báo cáo liên quan cũng như việc Ủy ban Ranh giới ngoài thêm lục địa xem xét và ra các khuyến nghị đối với các Báo cáo đó không ảnh hưởng đến việc phân định giữa các quốc gia liên quan¹². Một số công hàm khác nhấn mạnh yêu cầu tuân thủ các nghĩa vụ theo Hiệp ước về Nam Cực và thể hiện rõ lập trường của quốc gia liên quan không chấp nhận các yêu sách chủ quyền đối với Nam Cực cũng như đối với thêm lục địa thuộc Nam Cực¹³. Ngoài ra, một số công hàm đề nghị Ủy ban Ranh giới thêm lục địa không xem xét Báo cáo hoặc một phần Báo cáo của quốc gia khác.

¹² Công hàm số NY 6/10/8/5 ngày 23-6-2006 của Phái đoàn Phi-gi tại LHQ và công hàm số 422 ngày 23-7-2006 của Phái đoàn Pháp tại LHQ liên quan đến Báo cáo của Niu-di-lân.

¹³ Công hàm số 739 ngày 9-12-2004 của Phái đoàn Nga tại LHQ, công hàm số NYV/2005/690 ngày 31-3-2005 của Phái đoàn Hà Lan tại LHQ và công hàm số 88/05 ngày 5-4-2005 của Phái đoàn Đức tại LHQ liên quan đến Báo cáo của Úc.

¹¹ Báo cáo Ác-hen-ti-na có 3456 điểm, của Nhật Bản có 2532 điểm, Báo cáo chung Pháp và Nam Phi liên quan đến đảo hoàng tử Edward xác định 1899 điểm, Báo cáo của Pháp liên quan đến đảo Antilles và Kerguelen có 600 điểm.

Từ năm 2002, Ủy ban Ranh giới thêm lục địa bắt đầu xem xét các Báo cáo quốc gia. Việc xem xét, đánh giá các thông tin của một Báo cáo là một công việc hoàn toàn mới, đòi hỏi nhiều thời gian và trong nhiều trường hợp cần quốc gia liên quan cung cấp thêm thông tin. Về nhân sự, mỗi Tiểu ban có 7 ủy viên, nên trong cùng một thời điểm Ủy ban Ranh giới thêm lục địa chỉ có thể lập 3 Tiểu ban để xem xét 3 Báo cáo. Do đó, tiến độ xem xét và ra các khuyến nghị của Ủy ban không thể nhanh. Tuy các ủy viên của Ủy ban đã có nhiều cố gắng, song đến nay Ủy ban cũng mới chỉ xem xét và có khuyến nghị đối với 08 Báo cáo của Nga, Bra-zin, Úc, Ai-len, Niu di lân, Na-uy, Mê-hi-cô và Báo cáo chung của 4 nước Pháp, Ai-len, Tây Ban Nha và Anh. Nếu mỗi năm Ủy ban xem xét được 3 Báo cáo thì cũng phải mất 15 năm nữa mới giải quyết xong số Báo cáo đã nộp hiện nay.

c. Sau khi Nhà nước ta phê chuẩn Công ước Luật Biển 1982, các cơ quan hữu quan của ta đã khẩn trương triển khai nghiên cứu, khảo sát toàn diện về tình hình địa chất, địa mạo của thêm lục địa Việt Nam. Chính phủ đã cử một số chuyên gia tham dự các khóa đào tạo do LHQ tổ chức tại Bru-nây và Ma-lai-xia liên quan đến việc chuẩn bị xây dựng Báo cáo quốc gia. Đồng thời, ta cũng học hỏi kinh nghiệm của các nước đã có sự chuẩn bị lâu dài về vấn đề xác định ranh giới thêm lục địa.

Trên cơ sở đó và phù hợp với các quy định của Công ước Luật Biển 1982 và Bản hướng dẫn về khoa học, kỹ thuật của Ủy ban Ranh giới thêm lục địa, nước ta đã xây dựng Báo cáo quốc gia về khu vực thêm lục địa phía Bắc (Báo cáo từng phần) và phối hợp với Ma-lai-xi-a xây dựng Báo cáo chung về khu

vực phía Nam Biển Đông với đầy đủ cơ sở pháp lý quốc tế và khoa học, kỹ thuật. Các công thức được áp dụng để xác định ranh giới ngoài của thêm lục địa là công thức 60 hải lý ngoài chân dốc thêm lục địa và công thức 1% độ dày trầm tích. Chiều dài các đoạn thẳng xác định ranh giới thêm lục địa ở cả hai khu vực nhiều nơi là 1,0 hải lý, một số đoạn khác dài tới 26, 45, 57 và 59 hải lý.

Ngày 6-5-2009, Đại diện thường trực nước ta tại LHQ và Đại diện Thường trực Ma-lai-xia tại LHQ đã thay mặt Chính phủ hai nước nộp Báo cáo chung của Việt Nam và Ma-lai-xia về ranh giới ngoài thêm lục địa khu vực phía Nam Biển Đông. Tiếp đó ngày 7-5-2009, Nhà nước ta nộp tiếp Báo cáo quốc gia về ranh giới ngoài thêm lục địa của Việt Nam (khu vực phía Bắc). Việc nước ta trình Ủy ban Ranh giới thêm lục địa các Báo cáo trên là việc làm bình thường như nhiều quốc gia ven biển trong khu vực Đông Nam Á cũng như các khu vực khác đã làm để thực hiện quyền và nghĩa vụ của một quốc gia thành viên Công ước Luật Biển 1982.

Liên quan đến việc Phái đoàn Trung Quốc tại LHQ gửi công hàm phản đối Báo cáo của ta, ngày 8-5-2009 người phát ngôn Bộ Ngoại giao ta đã khẳng định nội dung công hàm của phía Trung Quốc và bản đồ kèm theo công hàm đó đã vi phạm nghiêm trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. Đường yêu sách 9 đoạn của Trung Quốc thể hiện trên bản đồ đi kèm với công hàm là không có giá trị vì không có cơ sở pháp lý, lịch sử và thực tiễn¹⁴.

¹⁴ Báo Nhân dân ngày 9-5-2009